

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 870 /GPMT-UBND

Khánh Hòa, ngày ...17... tháng 4 năm 2023

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 3323/QĐ-BTNMT ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;*

*Xét đề nghị của Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh – Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam – CTCP tại Văn bản số 658/CV-CHKQTCR ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở Nhà ga hành khách - Cảng HKQT Cam Ranh và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số ...138.../TTr-STNMT-CCBVMT ngày ...12... tháng ...4... năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh – Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam – CTCP, địa chỉ tại Sân bay Cam Ranh, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà ga hành khách Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh” tại phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của cơ sở:**

- 1.1. Tên cơ sở: Nhà ga hành khách Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.
- 1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh với mã số chi nhánh: 0311638525-013, đăng ký lần đầu ngày 18/05/2012, đăng ký lần thứ 3 ngày 09/05/2018.
- 1.4. Mã số thuế: 0311638525-013.
- 1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Nhà ga hành khách của Cảng hàng không.
- 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:
  - Tổng diện tích sử dụng đất: 17.047 m<sup>2</sup>.
  - Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.
  - Quy mô: Cơ sở có tiêu chí tương đương với dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
  - Công suất: Phục vụ 2,5 triệu hành khách/năm.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh – Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam – CTCP được cấp Giấy phép môi trường:



1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh – Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam – CTCP có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Cam Ranh nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký giấy phép.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

**Nơi nhận (VBĐT):**

- Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh – Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam – CTCP;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Cam Ranh;
- UBND phường Cam Nghĩa;
- Công Thông tin điện tử của UBND tỉnh;
- Lưu: VP +T.L.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Hòa Nam**



### Phụ lục 1

## **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI** (Kèm theo Giấy phép môi trường số.../GPMT-UBND ngày ... tháng ... năm 2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

#### **1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hành khách.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các cửa hàng ăn uống, vệ sinh sàn nhà ga, canteen.

#### **2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước của cụm cảng hàng không và thoát ra đầm Thủy Triều là nguồn tiếp nhận sau cùng, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

##### 2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $108^{\circ}15'$ , vĩ chiều  $3^{\circ}$ ):

| STT | Vị trí                                                                                          | X (m)   | Y (m)  |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------|
| 1   | Điểm cuối của đường ống dẫn nước thải sau xử lý xả vào mương thoát nước của cụm cảng hàng không | 1327914 | 604967 |

##### 2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: **200 m<sup>3</sup>/ngày đêm.**

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1,0), cụ thể như sau:



| TT | Chất ô nhiễm                   | Đơn vị tính | Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1,0) | Tần suất quan trắc định kỳ                                                                                   | Quan trắc tự động, liên tục                                                                                            |
|----|--------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | pH                             | -           | 5 - 9                                                            | Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 | Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 |
| 2  | BOD <sub>5</sub>               | mg/L        | 50                                                               |                                                                                                              |                                                                                                                        |
| 3  | TSS                            | mg/L        | 100                                                              |                                                                                                              |                                                                                                                        |
| 4  | TDS                            | mg/L        | 1.000                                                            |                                                                                                              |                                                                                                                        |
| 5  | Sunfua                         | mg/L        | 4                                                                |                                                                                                              |                                                                                                                        |
| 6  | Amoni                          | mg/L        | 10                                                               |                                                                                                              |                                                                                                                        |
| 7  | Nitrat                         | mg/L        | 50                                                               |                                                                                                              |                                                                                                                        |
| 8  | Dầu mỡ động, thực vật          | mg/L        | 20                                                               |                                                                                                              |                                                                                                                        |
| 9  | Tổng các chất hoạt động bề mặt | mg/L        | 10                                                               |                                                                                                              |                                                                                                                        |
| 10 | Phosphat                       | mg/L        | 10                                                               |                                                                                                              |                                                                                                                        |
| 11 | Tổng Coliform                  | MPN/100ml   | 5.000                                                            |                                                                                                              |                                                                                                                        |

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

#### 1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh (nước thải phân, nước tiểu) theo đường ống nhựa PVC Φ90 mm về bể tự hoại 03 ngăn; nước thải sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn theo đường ống nhựa PVC Φ90 mm đưa về hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.

- Nước thải từ hoạt động nấu ăn, phục vụ căn tin nội bộ của sân bay theo đường ống nhựa PVC Φ90 mm và tự chảy về bể tách dầu để tách dầu trước khi dẫn vào hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, nước thải từ nhà bếp sau khi qua bể tách dầu và nước thải rửa sàn theo hệ thống thu gom tập trung về Bể trung gian → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu

khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Bể chứa nước thải sau xử lý → Nguồn tiếp nhận (Mương thoát nước của cụm cảng hàng không và thoát ra đầm Thủy Triều).

+ Bùn của hệ thống xử lý nước thải được đưa về bể chứa bùn; bùn sau xử lý hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

- Công suất thiết kế: 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine (05 kg/ngày).

### **1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Bố trí công nhân có kinh nghiệm thường xuyên vận hành hệ thống xử lý nước thải (liên tục 24/24) và có khả năng khắc phục các sự cố khi xảy ra.

- Vận hành hệ thống đúng quy trình. Khi hệ thống xử lý nước thải có sự cố, cần thông báo cấp trên và nhanh chóng tìm ra nguyên nhân, khắc phục sự cố kịp thời; Định kỳ bảo dưỡng các dây chuyền xử lý và dự trữ sẵn sàng các thiết bị thay thế cho các dây chuyền xử lý để nhanh chóng khôi phục hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

- Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải: Cơ sở đã chuyển đổi công năng Trạm 1 (module xử lý nước thải công suất 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm sử dụng công nghệ màng lọc MBR) làm công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Quy trình ứng phó sự cố: Trường hợp hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm gặp sự cố hoặc phải tạm dừng hoạt động để bảo dưỡng, bảo trì, cơ sở đã bố trí đường ống cân bằng cường bức (sử dụng bơm chìm) tại 02 bể thu gom để có thể điều tiết dòng nước thải giữa hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm và Trạm 1. Khi đó, toàn bộ lượng nước thải sẽ được bơm về (thông qua đường ống cân bằng cường bức) lưu chứa tại công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường. Khi hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm hoạt động trở lại, đường ống cân bằng cường bức sẽ bơm nước thải trở về để tiếp tục xử lý theo quy trình công nghệ xử lý nước thải.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng (bắt đầu từ tháng 5/2023 và kết thúc vào tháng 8/2023).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm.



2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Đầu vào (tại bể trung gian) và đầu ra (tại bể chứa nước thải sau xử lý) của công trình xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm, tần suất quan trắc 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải).

- Giai đoạn vận hành ổn định: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh, tần suất quan trắc 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải).

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Chủ cơ sở lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải gửi cơ quan cấp giấy phép môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục. *nh*



**Phụ lục 2**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ**  
**SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...870.../GPMT-UBND ngày 17 tháng 4...  
năm 2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

| STT | Loại chất thải            | Mã chất thải | Khối lượng   |
|-----|---------------------------|--------------|--------------|
| 1   | Bóng đèn huỳnh quang thải | 16 01 06     | 2.500 kg/năm |
| 2   | Giẻ lau dính dầu thải     | 18 02 01     |              |
| 3   | Dầu, nhớt thải            | 17 02 03     |              |
| 4   | Pin, ắc quy thải          | 16 01 12     |              |
| 5   | Hộp mực in thải           | 08 02 04     |              |

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

| STT | Loại chất thải                                                              | Mã chất thải | Khối lượng        |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------|
| 1   | Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ                                        | 18 01 05     | 4.500<br>kg/tháng |
| 2   | Bao bì nhựa thải (chai, hộp nhựa)                                           | 18 01 06     |                   |
| 3   | Bao bì kim loại                                                             | 18 01 08     |                   |
| 4   | Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải (sử dụng công nghệ sinh học) | 12 06 13     | 1.000 kg/năm      |

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 50 tấn/tháng.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng, bao bì chứa các loại chất thải nguy hại riêng biệt, có nhãn dán, có biển cảnh báo, có các thiết bị ứng phó sự cố, kết cấu đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

### 2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 25 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: Có mái che, có thùng chứa từng loại chất thải nguy hại riêng biệt, có dán nhãn, có rãnh thu gom nước rò rỉ, có cửa ra vào, có biển cảnh báo, có các thiết bị ứng phó sự cố, kết cấu đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.
- Chất thải nguy hại sau khi lưu giữ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.
- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại quy định tại khoản 1 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

Đối với các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có mã chất thải ký hiệu là TT-R theo Danh mục chất thải quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường: Cơ sở hợp đồng với các hộ thu mua phế liệu trong khu vực; hàng ngày phân loại, thu gom, vận chuyển đi để tái sử dụng, sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất.

Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Lưu chứa trong bể chứa bùn có thể tích khoảng 32 m<sup>3</sup>; có kết cấu bằng inox 304 nguyên khối, loại 5mm và đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường. Khi bể chứa đầy, hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

#### 2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các thùng chứa (dung tích 10 – 20 lít) có bọc nilon bằng nhựa bên trong để thu gom rác thải trong quá trình hoạt động của cơ sở.
- Hàng ngày, cơ sở bố trí nhân viên thu gom, tập kết về các thùng chứa rác (dung tích 01 m<sup>3</sup>) bằng nhựa bao khung thép bên ngoài, có nắp đậy, có dán nhãn bên ngoài đặt tại kho lưu chứa.

#### 2.3.2. Kho lưu chứa:



- Diện tích kho lưu chứa: 140 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Có hệ thống mái che đảm bảo nước mưa không thấm dột, tường gạch, nền gạch men, cao độ nền so với sân là 0,5 m đảm bảo không bị ngập; mặt nền bảo đảm kín, không rạn nứt, không bị thấm thấu và tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài, có rãnh thu gom nước rỉ rác riêng để đưa về hầm chứa (thể tích 30 m<sup>3</sup>).

Chất thải rắn sinh hoạt sau khi lưu giữ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:** Không, *in*

